

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn
2. Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2022/TLST-KDTM ngày 16/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP ĐT

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung K – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT, Chi nhánh BG

(Quyết định ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Ngân hàng TMCP ĐT)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lâm Duy Khánh – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Lê Lợi, Ngân hàng TMCP ĐT, Chi nhánh BG (Có mặt).

(Quyết định ủy quyền số 216/QĐ-QLRR ngày 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP ĐT, Chi nhánh BG)

Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn GT, phường TP, thành phố BG, tỉnh BG

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Ngô Thị B, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐT trình bày:*

Ngày 14/5/2021, Ngân hàng TMCP ĐT (sau đây viết tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng số 01/2021/9676930/HĐTD với ông Nguyễn Văn N, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt N - Chi nhánh BG - Phòng giao dịch Lê Lợi. Ngân hàng cho ông N vay số tiền 700.000.000đồng (bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay: Trả tiền mua hàng tạp hóa, nước giải khát các loại; Thời hạn vay: 08 tháng; Lãi suất vay trong hạn: 8.5%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng; Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Ngày giải ngân 14/5/2021; Ngày đáo hạn 14/01/2022; Trả nợ gốc: Trả toàn bộ dư nợ gốc vào ngày đáo hạn Hợp đồng; Lãi vay trả định kỳ 03 tháng/01 kỳ (kỳ 1 vào ngày 20/7/2021 và ngày đáo hạn).

Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 08/8/2022 là 724.651.456 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 660.200.000 đồng; số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 64.451.456đồng. Ông N tiếp tục phải trả lãi phát sinh sau ngày 08/8/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N không trả được đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ cho Ngân hàng , cụ thể như sau:

Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 01/2017/9676930/HĐBĐ Ngân hàng với ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B (tài sản là quyền sử dụng đất 300m² đất ở và 276,5 m² đất trồng cây lâu năm, cùng tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4 diện tích sàn 100m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX348028, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00062 do Ủy ban nhân dân huyện HH cấp ngày 19/12/2014; thửa đất số: 66; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ thửa đất: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B)

**Bị đơn là ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông N và bà B không đến Tòa án làm việc, không cung cấp quan điểm ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tài liệu chứng cứ cho Tòa án.*

Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/9676930/HĐBĐ ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng và ông N, bà B, tài sản thế chấp hiện do ông N và bà B quản lý là quyền sử dụng đất 300m² đất ở và 276,5 m² đất trồng cây lâu năm, cùng toàn bộ công trình gắn liền với đất, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX348028, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00062 do Ủy ban nhân dân huyện HH cấp ngày 19/12/2014; thửa đất số: 66; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ thửa đất: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B.

**Tại phiên tòa ngày 26/8/2022, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.*

**Tại phiên tòa ngày 16/9/2022:*

- Ông Lâm Duy Khánh là đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tham gia tố tụng đề nghị Tòa án như sau:

+ Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2022 là 473.184.315 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 400.200.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 53.328.356 đồng, lãi quá hạn 19.655.959 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn N tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng.

+ Trường hợp ông Nguyễn Văn N không trả được đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/9676930/HĐBĐ ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng và ông N, bà B, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 300m² đất ở và 276,5 m² đất trồng cây lâu năm, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX348028, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00062 do Ủy ban nhân dân huyện HH cấp ngày 19/12/2014; thửa đất số: 66; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ thửa đất: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B, cùng toàn bộ công trình gắn liền với đất gồm: 01 lán xưởng lợp tôn, 01 nhà chính năm gian lợp ngói, 01 nhà vệ sinh, 01 công trình phụ, 01 giếng khoan, 01 cổng sắt và tường bao.

- Bị đơn là ông N trình bày: Ông không có ý kiến gì về yêu cầu của đại diện Ngân hàng. Đối với số tiền còn nợ ông đề nghị Ngân hàng cho ông có thời gian trả dần vì điều kiện kinh tế gia đình ông hiện nay khó khăn chưa thanh toán được ngay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ quy định pháp luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2022 là 473.184.315 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 400.200.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 53.328.356 đồng, lãi quá hạn 19.655.959 đồng. Ông N có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn (Nếu có) theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng phát sinh tính từ ngày 16/9/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng.

+ Trường hợp ông Nguyễn Văn N không trả được đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/9676930/HĐBĐ ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng và ông N, bà B; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 300m² đất ở và 276,5 m² đất trồng cây lâu năm, cùng toàn bộ công trình gắn liền với đất, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX348028, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00062 do Ủy ban nhân dân huyện HH cấp ngày 19/12/2014; thửa đất số: 66; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ thửa đất: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B.

+ Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí tố tụng khác: Ông N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 3.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP ĐT khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn N phải trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký, do ông N vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận cam kết trong hợp đồng. Việc ông N có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cá thể và vay tiền Ngân hàng nhằm mục đích trả tiền mua hàng tạp hóa, nước giải khát phục vụ kinh doanh, nên xác định quan hệ pháp luật là kinh doanh thương mại, cụ thể là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP ĐT khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố BG, Tòa án nhân

dân thành phố BG thụ lý và giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Ngân hàng TMCP ĐT đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2021/9676930/HĐTD, ngày 14/5/2021 với ông Nguyễn Văn N, cho ông N vay số tiền gốc: 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay: Trả tiền mua hàng tạp hóa, nước giải khát các loại; Thời hạn vay: 08 tháng; Lãi suất vay trong hạn: 8.5%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng; Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Do ông Nguyễn Văn N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản nợ của ông N đã chuyển quá hạn kể từ ngày 14/01/2022. Tính đến ngày 15/9/2022, ông N còn nợ Ngân hàng là 473.184.315 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 400.200.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 53.328.356 đồng, lãi quá hạn 19.655.959 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền nêu trên theo Hợp đồng tín dụng đã ký, ông N đồng ý trả nhưng đề nghị trả dần do hoàn cảnh khó khăn, nên cần chấp nhận yêu cầu đòi tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng đối với ông N và buộc ông N có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 16/9/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

[4] Đối với yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo trong trường hợp bị đơn không trả được nợ gốc và lãi cho nguyên đơn:

Trước khi ký kết hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông N, bà B đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/9676930/HĐBĐ ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất 300m² đất ở và 276,5 m² đất trồng cây lâu năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX348028, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00062 do Ủy ban nhân dân huyện HH cấp ngày 19/12/2014; thửa đất số: 66; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ thửa đất: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B, cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nêu trên trong trường hợp ông N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng; ông N và bà B đều không có ý kiến gì về yêu cầu này nên cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 3.000.000 đồng, do bị đơn là người bị buộc phải trả nợ cho Ngân hàng nên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ chi phí xem xét,

thẩm định tại chỗ tài sản cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên cần hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐT tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2022 là 473.184.315 đồng (Bốn trăm bảy ba triệu, một trăm tám tư nghìn ba trăm mười năm đồng), trong đó: số tiền nợ gốc là 400.200.000 đồng (Bốn trăm triệu hai trăm nghìn đồng); số tiền lãi trong hạn là 53.328.356 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm hai tám nghìn, ba trăm năm sáu đồng), lãi quá hạn 19.655.959 đồng (Mười chín triệu, sáu trăm năm năm nghìn, chín trăm năm chín đồng). Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn (Nếu có) theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2021/9676930/HĐTD, ngày 14/5/2021 giữa Ngân hàng TMCP ĐT với ông Nguyễn Văn N, tính từ ngày 16/9/2022 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐT.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn N không trả được đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng TMCP ĐT có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/9676930/HĐBĐ ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng và ông N, bà B; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 300m² đất ở và 276,5 m² đất trồng cây lâu năm, cùng toàn bộ tài sản, công trình gắn liền với đất, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX348028, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00062 do Ủy ban nhân dân huyện HH cấp ngày 19/12/2014; thừa

đất số: 66; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ thửa đất: Thôn NT, xã HL, huyện HH, tỉnh BG; tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị B.

2. Về chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 3.000.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản.

- Ngân hàng TMCP ĐT được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản khi ông Nguyễn Văn N thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Văn N phải chịu 22.927.372 đồng (Hai mươi hai triệu, chín trăm hai bảy nghìn, ba trăm bảy hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP ĐT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.896.500 đồng (Mười sáu triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001601 ngày 14/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. *Về hướng dẫn thi hành án dân sự:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG
- VKSND TP BG,
- Chi cục THADS TP.BG;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng